

Số: /STC-GCSDN

Quảng Bình, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường, công tác quản lý, điều hành về giá tháng 4 năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

I. Tổng quan thị trường và giá cả tháng 4 năm 2023:

Bốn tháng đầu năm 2023, tình hình kinh tế trong nước diễn biến bất ổn, thị trường xuất khẩu thu hẹp, tác động tiêu cực đến cả nước nói chung, tỉnh Quảng Bình nói riêng; song các cấp, các ngành trong tỉnh tiếp tục tập trung quán triệt, triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp thực hiện nghị quyết đại hội đảng các cấp, các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đã đạt được những kết quả tích cực, tạo tiền đề, động lực để tỉnh hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch của cả năm 2023.

Theo số liệu của Cục Thống kê Quảng Bình và qua khảo sát giá thị trường trên địa bàn tỉnh, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tỉnh Quảng Bình tháng 4 giảm 0,09% so với tháng trước, tăng 6,31% so với kỳ gốc năm 2019, giảm 0,48% so với cùng kỳ năm trước và tăng 0,58% so với tháng 12 năm trước. CPI bình quân 4 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước giảm 0,02% (trong đó: Nhóm hàng hóa tăng 0,13%; nhóm dịch vụ giảm 0,30%).

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính có 04 nhóm giảm, 04 nhóm tăng và 03 nhóm không đổi so với tháng trước, cụ thể như sau:

- 04 nhóm giảm so với tháng trước: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,25%; nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,80%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,05%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,08%.

- 04 nhóm tăng so với tháng trước: Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,01%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,09%; nhóm giao thông tăng 0,42%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,35%.

- 03 nhóm không đổi so với tháng trước: Nhóm giáo dục; nhóm thuốc và dịch vụ y tế; nhóm bưu chính viễn thông có chỉ số không đổi so với tháng trước.

* *Chỉ số giá vàng 99,99%*: Giá vàng trong tỉnh biến động theo giá vàng trong nước. Giá vàng bình quân tháng 4 năm 2023 tăng 3,35% so với tháng trước, giá vàng dao động quanh mức 5,51 triệu đồng/chỉ, tăng 42,86% so với kỳ gốc năm 2019, giảm 0,34% so với cùng kỳ năm trước và tăng 4,05% so với tháng 12 năm trước; bình quân 4 tháng đầu năm tăng 0,17% so với cùng kỳ năm trước.

* *Chỉ số giá đô la Mỹ (USD)*: Giá đô la Mỹ (USD) tháng này có giá bình quân 23.338 đồng/USD, giảm 1,07% so với tháng trước, tăng 1,04% so với kỳ gốc năm 2019, tăng 2,63% so với cùng kỳ năm trước và giảm 2,86% so với tháng 12

năm trước; bình quân 4 tháng đầu năm tăng 3,59% so với cùng kỳ năm trước.

1. Nguyên nhân làm giảm CPI tháng 4 năm 2023:

- Giá gas được điều chỉnh giảm mạnh so với tháng trước, cụ thể bình gas Petrolimex 12 kg có giá 414.000 đồng/bình, giảm 63.000 đồng/bình; làm giá gas giảm 13,21% so với tháng 3 năm 2023.

- Giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,07% so với tháng trước (cụ thể: Giá thép giảm do giá phôi thép giảm).

- Giá các loại rau củ quả giảm so với tháng trước, do thời tiết thuận lợi.

- Giá nhóm thực phẩm giảm 0,34% so với tháng trước, do nguồn cung dồi dào.

2. Nguyên nhân làm tăng CPI tháng 4 năm 2023:

- Giá điện sinh hoạt và giá nước sinh hoạt tháng này tăng lần lượt 1,56% và 0,28% so với tháng trước, do nhu cầu sử dụng của người dân tăng trong đầu mùa nóng.

- Giá xăng, dầu trong nước ảnh hưởng bởi giá xăng, dầu thế giới, liên Bộ Công thương - Tài chính ra các Quyết định điều chỉnh giá xăng dầu 04 đợt vào ngày 21/3/2023, 03/4/2023, 11/4/2023, 21/4/2023. Giá xăng tăng 1,11% so với tháng trước, tác động đến chỉ số giá nhóm giao thông tăng 0,42% so với tháng trước.

- Ảnh hưởng của giá vàng tăng nên các mặt hàng trang sức tăng 1,81% so với tháng trước.

- Sắp tới đại lễ 30/4 - 01/5, giá nhóm du lịch trọn gói tăng 8,39% so với tháng trước, do nhu cầu tham quan, du lịch của người dân tăng.

II. Diễn biến giá tiêu dùng tháng 4 năm 2023 của một số nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống: Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,25% so với tháng 3 năm 2023, trong đó: Lương thực giảm 0,16%; thực phẩm giảm 0,34%; ăn uống ngoài gia đình không đổi so với tháng trước. Nhóm này đóng góp giảm 0,13% vào mức giảm chung của CPI tháng 4 năm 2023.

1.1. Lương thực: Chỉ số giá nhóm lương thực giảm 0,16% so với tháng trước, cụ thể: Giá nhóm bột mỳ và ngũ cốc khác giảm 1,48% so với tháng trước (trong đó: Ngô giảm 2,89%, khoai giảm 2,34%, sắn giảm 0,13%).

1.2. Thực phẩm: Chỉ số giá nhóm thực phẩm giảm 0,34% so với tháng trước.

Giá thịt gia súc giảm 1,08%, do nhu cầu tiêu dùng người dân giảm, trong đó: Thịt lợn giảm 1,42%, làm giá thịt chế biến giảm 0,11% so với tháng trước.

Giá thịt gia cầm tươi sống giảm 0,05% so với tháng trước; trong đó: Thịt gia cầm khác giảm 0,17% (chủ yếu là giá vịt và ngan làm sẵn nguyên con, bỏ lòng giảm).

Giá trứng các loại cũng có chiều hướng giảm 1,77% so với tháng trước, do nguồn cung dồi dào.

Giá các mặt hàng thủy sản tươi sống giảm 0,51%, do thời tiết thuận lợi, việc ra khơi, đánh bắt của người dân được mùa, trong đó: Cá tươi hoặc ướp lạnh giảm

0,45%; tôm tươi hoặc ướp lạnh giảm 0,10%; thủy hải sản tươi sống khác giảm 1,68% so với tháng trước.

Giá nhóm rau tươi, khô và chế biến giảm 1,56% so với tháng trước, do thời tiết thuận lợi, nguồn cung dồi dào, cụ thể: Bắp cải giảm 1,79%; su hào giảm 1,12%; cà chua giảm 4,69%; khoai tây giảm 1,61%; đỗ quả tươi giảm 7,28%; rau dạng quả, củ giảm 0,43%; rau chế biến các loại giảm 0,32% so với tháng trước.

Giá nhóm hoa quả tươi, chế biến giảm 0,84% so với tháng trước, do các loại trái cây nhiệt đới đang vào mùa thu hoạch, cụ thể: Quả có múi giảm 0,89%, quả tươi khác giảm 1,45% so với tháng trước.

Giá nhóm mặt hàng như đường mật, sữa, bơ, phô mai tăng; do chi phí đầu vào tăng, cụ thể: Đường tăng 2,22%; sữa tươi tăng 2,40%; sữa đậu nành, sữa ngô tăng 1,47%; sữa đặc tăng 0,33%; sữa bột người lớn tăng 2,32%; kem tăng 2,94%; sữa bột trẻ em tăng 2,64% và sữa chua tăng 3,19% so với tháng trước.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình: Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình không đổi so với tháng trước.

2. Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép: Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,09% so với tháng trước; do nhóm mũ nón tăng 0,31% và nhóm dịch vụ may mặc, mũ nón, giày dép tăng 3,09% so với tháng trước. Nhóm này đóng góp tăng 0,01% vào mức giảm chung của CPI tháng 4 năm 2023.

3. Nhóm đồ uống và thuốc lá: Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,01% so với tháng trước, do nhu cầu tăng; trong đó: Nước khoáng và nước có ga tăng 0,04% so với tháng trước (cụ thể: Nhóm nước quả ép tăng 0,36%).

4. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng: Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,80% so với tháng trước, cụ thể: Giá nhóm vật liệu bảo dưỡng nhà ở giảm 0,07% so với tháng trước, do giá thép có xu hướng giảm. Giá gas Petrolimex được điều chỉnh giảm 63.000 đồng/bình 12 kg vào ngày 01/4/2023, làm giá gas tháng này giảm mạnh 13,21% so với tháng trước. Nhóm này đóng góp giảm 0,16% vào mức giảm chung của CPI tháng 4 năm 2023.

5. Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình: Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,05% so với tháng trước, cụ thể: giá nhóm thiết bị giảm 0,57% so với tháng trước. Nhóm này đóng góp giảm 0,01% vào mức giảm chung của CPI tháng 4 năm 2023.

6. Nhóm giao thông: Chỉ số giá nhóm giao thông tăng 0,42% so với tháng trước, do giá nhóm nhiên liệu tăng 1,04% qua 04 đợt điều chỉnh giá xăng, dầu vào ngày 21/3/2023, 03/4/2023, 11/4/2023, 21/4/2023; cụ thể: Giá xăng tăng 1,11% so với tháng trước. Giá nhóm phương tiện đi lại tăng 0,19% so với tháng trước. Nhóm này đóng góp tăng 0,07% vào mức giảm chung của CPI tháng 4 năm 2023.

7. Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch: Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,35% so với tháng trước. Giá nhóm du lịch trọn gói tăng 8,39%; giá nhóm khách sạn, nhà khách tăng 0,55% so với tháng trước (cụ thể: Du lịch trong nước tăng 13,63%; du lịch nước ngoài tăng 3,86%; giá khách sạn tăng 2,35% so

với tháng trước; do nhu cầu tham quan, du lịch của người dân tăng. Nhóm này đóng góp tăng 0,13% vào mức giảm chung của CPI tháng 4 năm 2023.

8. Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác: Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,08% so với tháng trước; do giá nhóm lệ phí, bảo hiểm và dịch vụ khác giảm 0,29%.

Các mặt hàng và dịch vụ còn lại ổn định.

BẢNG CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, CHỈ SỐ GIÁ VÀNG, CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ THÁNG 4 NĂM 2023

Đơn vị tính: %

	Tháng 4 năm báo cáo so với:				Bình quân 4 tháng năm báo cáo so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc năm 2019	Tháng 4 năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng 3 năm báo cáo	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	106,31	99,52	100,58	99,91	99,98
1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	110,98	102,69	100,31	99,75	102,69
<i>Trong đó:</i>					
<i>Lương thực</i>	<i>110,50</i>	<i>101,98</i>	<i>101,48</i>	<i>99,84</i>	<i>101,77</i>
<i>Thực phẩm</i>	<i>110,00</i>	<i>101,40</i>	<i>100,17</i>	<i>99,66</i>	<i>101,44</i>
<i>Ăn uống ngoài gia đình</i>	<i>114,19</i>	<i>106,95</i>	<i>100,17</i>	<i>100,00</i>	<i>106,93</i>
2. Đồ uống và thuốc lá	106,18	101,15	101,15	100,01	101,40
3. May mặc, mũ nón và giày dép	104,49	100,37	100,37	100,09	100,29
4. Nhà ở và vật liệu xây dựng	108,88	98,10	99,55	99,20	100,39
5. Thiết bị và đồ dùng gia đình	104,29	100,67	100,47	99,95	100,84
6. Thuốc và dịch vụ y tế	102,68	100,00	100,00	100,00	100,00
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	<i>102,31</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>
7. Giao thông	105,04	95,97	103,33	100,42	97,18
8. Bưu chính viễn thông	99,77	100,00	100,00	100,00	100,00
9. Giáo dục	91,25	85,70	100,00	100,00	85,71
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	<i>88,96</i>	<i>82,98</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>	<i>82,98</i>
10. Văn hoá, giải trí và du lịch	101,88	102,79	102,73	102,35	100,89
11. Hàng hóa và dịch vụ khác	103,76	100,80	100,11	99,92	100,82
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	142,86	99,66	104,05	103,35	100,17
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	101,04	102,63	97,14	98,93	103,59

(Chi tiết có Bảng giá thị trường tháng 4 năm 2023 kèm theo)

III. Công tác quản lý, điều hành về giá tháng 4 năm 2023:

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành:

Trong tháng 4 năm 2023, giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm và mặt hàng tiêu dùng thiết yếu giữ ở mức ổn định, nguồn cung dồi dào. Trên địa bàn không xảy ra tình trạng khan hiếm hoặc đầu cơ tích trữ hàng hóa, tăng giá bán bất hợp lý. Tuy nhiên, tình hình kinh doanh hàng hóa nhập lậu, hàng cấm, sở hữu trí tuệ, vi phạm về lĩnh vực giá, vệ sinh an toàn thực phẩm, vận chuyển lâm sản, khoáng sản trái phép, ... vẫn còn diễn ra, hoạt động tàng trữ hàng cấm diễn biến phức tạp. Hàng hóa vi phạm được phát hiện tập trung ở các nhóm mặt hàng như: Ma túy, lâm sản, khoáng sản, mỹ phẩm, giày dép, áo quần, ...

Để tổ chức thực hiện có hiệu quả chỉ đạo, điều hành của Chính phủ; chủ động ứng phó với những thách thức trong công tác điều hành về giá trong Quý II và các tháng còn lại của năm 2023; thực hiện Thông báo số 118/TB-VPCP ngày 10/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái - Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành về giá tại cuộc họp Ban Chỉ đạo điều hành giá Quý I năm 2023, UBND tỉnh đã có Công văn số 753/UBND - TH ngày 21/4/2023 về việc tăng cường các biện pháp quản lý, điều hành về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, trong đó yêu cầu các sở, ngành, địa phương chủ động, đẩy mạnh triển khai đồng bộ các giải pháp tại Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 27/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đôn đốc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm sau kỳ nghỉ Tết nguyên đán Quý Mão 2023.

Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong tháng 4 năm 2023, Ban chỉ đạo 389 tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan thành viên và UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 212/KH-BCĐ ngày 24/10/2022 của Ban chỉ đạo 389 tỉnh về việc tăng cường đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022 - 2025. Các đơn vị, địa phương chủ động phối hợp chặt chẽ trong công tác chia sẻ thông tin, tuần tra, kiểm soát; không để hình thành các tụ điểm tập kết buôn bán hàng nhập lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

2. Công tác tuyên truyền:

Thực hiện Kế hoạch đấu tranh, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả năm 2023 trên địa bàn tỉnh và chỉ đạo của Ban chỉ đạo 389 tỉnh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đã chủ trì xây dựng và thực hiện các nội dung phát sóng các tin, bài, phóng sự thông qua chuyên mục “Phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả” trên sóng QBTv.

Bên cạnh đó, các lực lượng chức năng thông qua công tác kiểm tra, kiểm soát đã kết hợp thực hiện công tác tuyên truyền trực tiếp cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh không buôn bán hàng cấm, hàng giả và gian lận thương mại; đặc biệt chú trọng vận động quần chúng nhân dân khu vực biên giới tích cực phát hiện, tố giác tội phạm, không tiếp tay cho hoạt động vi phạm pháp luật.

IV. Dự báo diễn biến mặt bằng giá thị trường trên địa bàn tỉnh tháng 5 năm 2023:

1. Dự báo giá xăng, dầu tháng 5 năm 2023:

Từ đầu năm đến nay, giá xăng, dầu đã có 07 lần tăng, 05 lần giảm và 01 lần giữ nguyên. Thị trường xăng, dầu thế giới kỳ điều hành lần này (từ ngày 21/4/2023

- 04/5/2023) chịu ảnh hưởng của các yếu tố như: những lo ngại về suy thoái kinh tế và cuộc khủng hoảng ngân hàng tiếp tục gia tăng; việc Cục dự trữ liên bang Mỹ tiếp tục tăng lãi suất thêm 0,25 điểm phần trăm; hoạt động sản xuất của Trung Quốc bất ngờ giảm trong tháng 4 năm 2023 tác động làm giá xăng, dầu có diễn biến tăng giảm đan xen nhưng nhìn chung là giảm. Dự báo giá dầu thô thế giới trong thời gian tới sẽ giảm, lý do tăng trưởng kinh tế chậm lại có thể ảnh hưởng đến nhu cầu năng lượng.

2. Dự báo giá gas tháng 5 năm 2023:

Dự báo giá gas bán lẻ tháng 5 năm 2023 sẽ tăng giá sau 02 lần giảm giá liên tiếp. Từ đầu năm 2023 đến nay, giá gas đã có 03 lần giảm giá (vào các tháng 01, tháng 03 và tháng 4) và 01 lần tăng giá (tháng 02). Sau khi được điều chỉnh, giá các loại gas phổ biến dao động khoảng từ 407.000 đồng đến 429.000 đồng/bình 12 kg tùy thương hiệu. Theo nhiều chuyên gia, giá gas trong nước tăng trong tháng 5 năm 2023 là do nhà cung cấp thế giới công bố giá nhiên liệu bình quân đạt mức 555 USD/tấn, mức giá này tăng 5 USD/tấn so với tháng 4 năm 2023. Hiện nay, phần lớn nguồn gas trong nước vẫn phải nhập khẩu nên giá gas trong nước bị chi phối và ảnh hưởng bởi giá gas thế giới.

3. Dự báo giá vàng tháng 5 năm 2023:

Dự báo giá vàng trên thị trường quốc tế sẽ tiếp tục gia tăng trong bối cảnh nỗi lo về cuộc khủng hoảng ngân hàng leo thang và thị trường bất động sản thương mại Mỹ có thể sụp đổ. Giá vàng tăng mạnh và neo cao trên ngưỡng 2.000 USD/ounce sau khi Mỹ công bố báo cáo việc làm với tín hiệu xấu đi, số việc làm giảm mạnh. Cuộc khủng hoảng ngân hàng tại Mỹ chỉ mới bắt đầu. Nhiều ngân hàng có quan hệ sâu với lĩnh vực bất động sản thương mại mà lĩnh vực này đang có nguy cơ sụp đổ do xu hướng làm việc từ xa, các doanh nghiệp đang thu hẹp hoạt động và rủi ro các khoản cho vay đối với bất động sản thương mại. Dự báo dòng tiền sẽ bị rút khỏi ngân hàng và đổ vào trái phiếu (vốn có lợi tức cao). Những bất ổn kinh tế có thể đưa giá vàng lên mức cao kỷ lục trong thời gian tới. Gần đây, ngân hàng trung ương các nước đẩy mạnh mua vàng, xu hướng này có thể sẽ vẫn tiếp tục.

Trên đây là Báo cáo tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý, điều hành về giá của tỉnh Quảng Bình tháng 4 năm 2023, Sở Tài chính Quảng Bình báo cáo Cục Quản lý Giá - Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính - Cục QL giá (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Công thương;
- Cục Thuế tỉnh;
- Cục Quản lý thị trường;
- Lãnh đạo Sở;
- Trung tâm DVTCC;
- Phòng TCKH các huyện, thị xã, TP;
- Lưu: VT, GCSĐN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trương Tùng Giang